TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HS-ST
Ngày: 12-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thế Dũng
2. Ông Gat

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Thanh Bình-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:105/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Hoàng T-Sinh năm 1999, tại Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Phạm Ngọc D và bà Lê Thị Trúc V; Bị cáo chưa có vợ, con;

Nhân thân:

- Ngày 21-2-2017, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (Bản án số 27/2017/HSST).

- Ngày 18-7-2017, bị Tòa án nhân dân Hện Ea H'leo, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* (Bản án số 51/2017/HSST. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 27/2017/HSST ngày 21-02-2017 của Tòa án nhân dân TP.Pleiku, là 03 năm tù; chấp hành án tại Trại giam Đăk Trung, Bộ Công an. Ngày 28-8-2019, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không. Tiền án: Không (Bị cáo được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự).

Bị cáo Phạm Hoàng T bị tạm giữ từ ngày 02-3-2020 đến ngày 11-3-2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Nguyên C**; Giới tính: Nam. Sinh năm 1990, tại Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không. Con ông Trần Đức L và bà Nguyễn Thị Kim T; Bị cáo có vợ tên là Huỳnh Thị Ngọc L và có 01 người con, sinh năm 2017; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Nguyên C bị tạm giữ từ ngày 02-3-2020 đến ngày 11-3-2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 09-9-2008; Địa chỉ: Thôn 6, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 6, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; trú tại: Số 14 đường Phù Đổng, phường Phù Đổng, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hoàng T, Trần Nguyên C có quan hệ quen biết nhau và cùng có sử dụng chất ma túy. Khoảng 10 giờ ngày 01-3-2020, C đến nhà T rủ T đi mua ma túy để sử dụng. Do không có tiền, nên T khởi xướng và rủ C đi tìm cơ hội trộm cắp tài sản để bán lấy tiền sử dụng ma túy và tiêu xài; C đồng ý. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển số 81B2-716.26 chở T đi dạo trên địa bàn xã T, thành phố P để tìm nhà dân nào sơ hở thì vào trộm cắp. Khoảng 11 giờ cùng ngày, cả hai đi đến nhà trọ Thương Mộng ở đường Trần Văn B, thôn 6, xã T, thành phố P. C ngồi trên xe nổ máy chờ và cảnh giới, để T đi vào khu nhà trọ tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi T đi vào đến phòng trọ số 02 thì thấy phòng mở cửa, trong phòng chỉ có cháu Nguyễn Hoàng Gia H đang ngồi chơi điện tử trên máy tính xách tay; đây là phòng trọ của ông Nguyễn Thanh L, cháu H là con của ông Luân. T quay ra nói cho C biết trong phòng chỉ có cháu nhỏ đang chơi máy tính xách tay, để T vào lừa cháu nhỏ đi ra rồi sẽ lấy máy tính; C đồng ý và tiếp tục đứng chờ, cảnh giới. T vào đứng trước phòng trọ số 02 và giả vờ hỏi cháu H: *"Ở đây có cho thuê phòng trọ không"*, thì cháu H trả lời: *"Qua bên kia hỏi kìa"* ý bảo T đi hỏi chủ nhà trọ. T giả vờ nhờ cháu H đi gọi chủ nhà trọ, cháu H tưởng thật nên đi ra khỏi phòng; máy tính xách tay cháu H vẫn để trên giường trong phòng trọ, đây là máy tính hiệu ASUS, loại E403403SA-WX0004T, màu xám bạc. Khi cháu H vừa đi ra khỏi phòng, thì T vào trong phòng lấy chiếc máy tính xách tay nêu trên giấu sau lưng rồi đi ra. Lúc này, cháu H nghe tiếng động trong phòng nên quay lại, thì thấy T đang đi ra và giấu vật gì đó sau lưng. Cháu H giang tay chặn T lại và hỏi: *"Chú cầm gì vậy ?",* thì T dùng tay gạt cháu H ra và chạy đến ngồi lên xe mô tô 81B2-716.26 do C đang đứng chờ. Cháu H đuổi theo, nắm giữ tay vịn phía

sau yên xe mô tô 81B2-716.26, làm xe cùng với C, T lảo đảo, nhưng không ngã. Cháu H giữ được một đầu chiếc máy tính xách tay và la: *"Cướp, cướp",* nhưng sau đó bị tuột tay và C tăng ga chở T chạy thoát. Chiếc máy tính xách tay chiếm đoạt được, C và T mang đến cửa hàng điện thoại Tân Thế Giới bán cho ông Nguyễn Thanh T được 1.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài. Ngày 02-3-2020, biết không thể che giấu hành vi của bản thân, nên T và C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố P đầu thú, khai nhận hành vi chiếm đoạt máy tính xách tay của cháu H, như nêu trên. Cơ quan điều tra đã thu giữ của C xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển số 81B2-716.26. Trên cơ sở lời khai của T và C, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc thì ông Nguyễn Thanh T giao nộp máy tính xách tay hiệu ASUS, loại E403403SA-WX0004T, màu xám bạc, đã mua của T và C trước đó.

Qua trưng cầu định giá, kết luận máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS E403403SA-WX0004T, màu xám bạc, do Phạm Hoàng T và Trần Nguyên C chiếm đoạt của cháu Nguyễn Hoàng Gia H vào ngày 01-3-2020 trị giá 2.000.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý trả lại chiếc máy tính xách tay trên cho ông Nguyễn Thanh L.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển số 81B2-716.26, là phương tiện Trần Nguyên C và Phạm Hoàng T sử dụng khi đi chiếm đoạt máy tính xách tay của cháu Nguyễn Hoàng Gia H vào ngày 01-3-2020, qua điều tra xác định là tài sản của C.

Về dân sự: Sau được khi nhận lại máy tính xách tay đã bị chiếm đoạt, ông Nguyễn Thanh L không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự và có đơn bãi nại, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Trần Nguyên C. Ông Nguyễn Thanh T cũng không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, các bị cáo đều đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Tại bản cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 29- 6- 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Phạm Hoàng T và Trần Nguyên C về tội: *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng T với mức án từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 05 (Năm) năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Nguyên C với mức án từ 03 (Ba) năm tù đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển số 81B2-716.26, là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi tội phạm.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng sơ hở của cháu Nguyễn Hoàng Gia H (sinh ngày 09-9-2008) là người dưới 16 tuổi, khoảng 11 giờ ngày 01-3-2020, tại phòng trọ số 02, nhà trọ Thương Mộng ở đường Trần Văn B, thôn 6, xã T, thành phố P, các bị cáo Phạm Hoàng Tvà Trần Nguyên C đã tiếp cận chiếc máy tính xách tay hiệu ASUS E403403SA-WX0004T, màu xám bạc, trị giá 2.000.000 đồng mà cháu H đang sử dụng chơi điện tử, sau đó nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt chiếc máy tính trên.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để tiếp cận, sau đó nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt tài sản của người khác, do bị các cáo Phạm Hoàng Tvà Trần Nguyên C thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội, đã phạm vào tội: *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại thời điểm bị chiếm đoạt tài sản, bị hại Nguyễn Hoàng Gia H chưa đủ 16 tuổi, nên hành vi của các bị cáo T và C đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng: *"Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi",* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự như Bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của các bị cáo phải được xử lý nghiêm của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả đã gây ra để đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

Tuy nhiên, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì C phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan nhằm xác định tội phạm và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

Về nhân thân:

Đối với bị cáo Phạm Hoàng T, mặc dù được xem là chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng phạm tội và đã bị xét xử về tội *"Cướp giật tài sản"* và tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Bị cáo Trần Nguyên C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo luôn có ý thức chấp hành pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Phạm Hoàng T và Trần Nguyên C được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: *"Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"*, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết: *"Đầu thú",* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo C được áp dụng tình tiết: *"Bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt",* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo Phạm Hoàng T và Trần Nguyên C phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; T là khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hành tội phạm; C giữ vai trò giúp sức. Xét về vai trò phạm tội thì bị cáo C có vai trò thứ yếu hơn so với bị cáo T.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định định khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về dân sự: Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển số 81B2-716.26 của bị cáo Trần Nguyên C, đây là công cụ, phương tiện mà các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với ông Nguyễn Thanh T, là người mua máy tính xách tay hiệu ASUS do các bị cáo cướp giật được mang đến bán, tuy nhiên khi mua máy tính xách tay nêu trên, ông Tân

không biết là tài sản do T và C phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không xem xét, xử lý đối với ông Tân là có căn cứ.

Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo Phạm Hoàng T và Trần Nguyên C khai đã mua ma túy của đối tượng tên Bé, ở khu vực Bến xe thành phố P nhưng không biết rõ họ tên, địa chỉ của đối tượng tên Bé nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng tên Bé nêu trên, sẽ làm rõ và xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Hoàng T và Trần Nguyên C phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

2. Áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng T05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ (02-3-2020).

Xử phạt bị cáo Trần Nguyên C 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ (02-3-2020).

3. Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển số 81B2-716.26 của bị cáo Trần Nguyên C.

4. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Hoàng T và Trần Nguyên C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng bản án sơ thẩm. Riêng đối với bị hại, đại diện bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ-Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HTHên